

# ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



## MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ CON NGƯỜI

*Khai Tâm Quách Minh Chương*

Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)

*Khai Tâm Quách Minh Chương*



**Tòa Thánh Tây Ninh**

---

*Khai Tâm Quách Minh Chương*

---

# MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA THƯỢNG ĐẾ VÀ CON NGƯỜI

## 1. Thượng Đế

Danh từ **Thượng Đế** đã tồn tại và gắn liền với lịch sử tồn tại của con người vì con người vốn đã muốn biết và tầm hiểu Đáng tối cao đó là ai và có quan hệ như thế nào đối với loài người. Dầu sống trong hình thái duy vật, các khoa học gia cũng gắng tìm kiếm mối quan hệ giữa hai chủ thể, cũng như mong muốn. Những định thuyết của khoa học gia tầm kiếm ra cũng nằm trong sự vận hành của Trời Đất, nên làm họ muốn tìm tàng luật của vũ trụ cho minh tường.

Trong Kinh Thi của Nho Giáo có câu:

*“Hoàng mỹ Thượng Đế! Lâm hạ hữu hách, giám quan tứ phương, cầu dân chi mạt”.*

Nghĩa là: vĩ đại thay Đức Thượng Đế, soi xét xuống dưới rất rõ ràng, uy nghiêm. Ngài xem xét bốn phương, để tìm sự khôn khổ của dân mà cứu giúp.

Còn sống theo duy tâm tôn giáo, không ai chối bỏ thế giới thần linh, Đáng tối cao và chư Thiên, vận hàng guồng máy âm dương, biến chuyển, chi phối sự phát triển của tâm thức của chúng sanh, tác động vào cơ vận hành vạn vật, phân bố sự sáng suốt quang minh, cũng như giữ luật công bình tạo hóa đối với muôn loài vạn vật theo một khuôn khổ nhất định.

---

Theo cách ấy, người có tôn giáo lại càng muốn tìm lẽ chơn thật hơn hết, muốn định lẽ sinh tử của mình trong lòng Đức Thượng Đế hơn. Do vậy, có bao nhiêu Đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần đã hạ mình vì mạng lịnh, giáng trần, độ rỗi chúng sanh, thức tỉnh cảnh mê, tìm về nẻo giác. Nên, có rất nhiều tôn giáo ra đời, triết lý hiển hiện trong tùy thời kỳ khác nhau, hướng đến chủ thể “con người”.

*“Nam Mô **Thượng Đế** Ngọc Hoàng,  
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng chơn linh”*  
[Kinh Tận Độ]

Triết học tôn giáo là hệ thống các tín lý, nhân sinh quan và vũ trụ quan. Mỗi tôn giáo có một chủ thuyết riêng, đường lối hướng lộ nhân sinh riêng cho môn sinh mình. Tuy nhiên, triết học tôn giáo Tây Phương và Đông Phương đều mang tính chất khác biệt trên bình diện “**văn hóa tôn giáo**” và những phương pháp khuôn khổ, tín ngưỡng cũng như sự khác biệt hình thức của các “thể” tôn giáo, cũng chỉ là “biểu hiệu” mà thôi, còn **nội hàm đích điểm** của các chủ thuyết tôn giáo đều hướng đến đức tin vào thể giới hằng sống, kiến tạo một đời sống hạnh phúc phù hợp với quy luật tấn hóa tâm linh.

Sự minh triết của con người đều có thể phát huy đồng đẳng nhau khi con người áp dụng các phương pháp khác nhau, bởi lẽ ngoại dung chỉ là thứ khác biệt ở tướng diện, nội dung mới là căn bản của triết học tôn giáo. Tính chất “dị sắc” không thể coi là

---

tính khác biệt của các nền tôn giáo. Các triết học tôn giáo cố gắng vươn mình lên để thánh hóa đời sống mình bằng các hình thái phổ dụng. “**Phổ dụng**” ở đây được hiểu là căn bản chung nhất của các nền tôn giáo. Linh hồn chính là điểm phổ dụng chung nhất và là đối tượng của tôn giáo muốn hướng đến. Tính phổ dụng thứ hai là Đấng Sáng Thế tạo lập ra càn khôn vũ trụ, Đấng mà chi phối cả mọi nhịp sống, thăng đọa, cầm cân nảy mực, ban phúc và những thánh ân cho loài người đi trên **con đường nhơn nghĩa đại đồng** và **con đường thiên đạo giải thoát**.

Mục tiêu tối thượng của chủ nghĩa tôn giáo vốn làm cho con người đi trên những quy luật thiên nhiên, nâng mình vào đời sống quân tử thánh hiền. Triết học tôn giáo là một “**hiện tượng**” đòi hỏi sự khắc khe vì đó không phải là mảnh đất dành cho chủ nghĩa vị kỷ. Khi đào luyện, học hỏi “**bản ngã**” để thi ân tế chúng, sống vì tha nhân, nhân bản, bác ái, từ bi vô tận. Người môn sinh tu tập và sống theo triết lý tôn giáo để **phục vụ tha nhân**, chớ không phải được phục vụ bởi tha nhân. Sống theo triết lý là chấp nhận, là buông xả theo hoàn cảnh tùy duyên, không phải là cuộc sống mưu cầu danh-lợi-quyền, đi tìm chơn lý bằng cả hơi thở và cả cuộc đời, chớ không phải chân lý tự đến với mình.

Chấp nhận triết lý tôn giáo, tức là chấp nhận con đường “minh tâm kiến tánh” theo Phật Giáo, “tu tâm luyện tánh” theo Lão Giáo, “tồn tâm dưỡng tánh” theo Khổng Giáo và nhiều hình thức khác của các nền

---

tôn giáo mang màu sắc tâm linh và hướng vào nội tâm tu dưỡng. Nói theo một nhà triết gia “**sứ mạng con người trên trái đất này là thương yêu nhau**”. Tìm đến triết học tôn giáo là tìm về **tình yêu** và **đời sống minh triết** có ích cho bản thân và nhân loại. Điều đó đồng nghĩa với sống trong **triết học nhất nguyên**, tức là Đấng Tạo Đao cùng với lý Âm Dương, Ngũ Hành vận chuyển cả bầu nhật-nguyệt tạo tinh lực và không ngừng thúc đẩy sự sống tâm linh con người thăng hoa trong các cảnh giới đến khi “**hằng sống**”.

## 2. Con người

Dưới lăng kính khoa học, con người không phải là sản phẩm tinh thần của Đức Thượng Đế, hay bất kỳ một thực thể vô hình nào sản sinh hay chi phối. Một khi tinh tế, xem xét câu hỏi một cách khoa học, người ta sẽ chẳng thể trả lời “ai sinh ra con người”. Tất cả đều là ngổ cụt, vòng bế tắt.

*“Mê tâm là chốn đọa người,  
Vương bá công hầu lụy mấy mươi”  
[Thánh Thi Hiệp Tuyển]*

Với tôn giáo, con người vốn là một sinh vật nhưng đã phát triển vượt bậc, làm chúa cả muôn loài, nhờ vào đức tin và nhìn nhận con người đã đủ tam hồn, đủ minh triết, thực hiện đời sống thánh minh để làm chủ sự sống, đi đến cảnh giới siêu việt thiêng liêng. Tất nhiên theo cách này, con người không cho là các bậc giác ngộ, viên đôn, liễu quán vô thường,

---

thoát khỏi vòng sinh tử, luân hồi, đi đến một trạng thái mới, đó là cảnh bất sanh, bất tử, vô sanh, vô diệt, tức là quả vị nơi cảnh thiêng liêng hằng sống.

Tôn giáo đã biện giải con người vì đã trải qua bao nhiêu bài học khổ đau, hạnh phúc, lặn hụp chốn hôi tanh, công khanh, tước vị, lúc giàu, lúc đau khổ, tích lũy những kinh nghiệm sống để rồi vượt lên kiếp sống thấp hèn là vật loại, tiến lên phẩm làm người.

Chẳng những thế, con người còn tiếp tục giục tấn nữa. Muốn vậy, chúng ta phải trải qua những bài học thi thố, noi gương nhưng bậc hiền nhân quân tử, ngộ ra chơn lý giữa đời thường. Trong cái thế thường của kiếp nhân sinh, có tốt lẫn xấu, sẽ đào tạo cho ta một ý thức đâu là chơn lý sống, phù hợp với máy tạo đoan.

Đối với Cao Đài giáo, Đức Chí Tôn đã ban lời Thánh Giáo, giảng rõ rằng, con người nằm trong vòng vật loại, gọi chung là chúng sanh. Chúng sanh gồm, vật chất, thảo mộc, thú cầm. Duy con người vì đã tiến hóa vượt trên hết, đứng gần với cánh cửa thiêng liêng hơn. Con đường phía trước là cảnh vô hình. Đồng nghĩa với con người phải tấn hóa hơn nữa mới mong thoát cảnh sinh sinh-tử tử.

Quả thật như thế, Đức Phật Thích Ca cũng là người thường tình như chúng ta, cũng có người thân, cha mẹ, vợ con. Nhưng Đức Ngài hoài cảm về sanh khổ, bệnh khổ, lão khổ, tử khổ, thấy con người chịu

---

bao nhiêu nỗi ấy, mãi trong vòng lẩn quẩn của thống khổ, nên Đức Ngài quyết tâm đạo, đi tìm chân lý giải khổ cho bản thân và trao truyền cho chúng sanh giáo pháp tu học. Rốt lại, Đức Ngài đã trở về cõi Niết Bàn, vĩnh sanh, tự tại.

Vì thế, con người là vật tối linh trong thế giới này, có thể bước lên bậc thang mây, trở về nguồn cội tách biệt. Tôn giáo cổ xưa chưa đưa ra nhiều về bản thể vũ trụ cụ thể. Cao Đài Giáo đã vạch ra rất chi tiết về **bát phẩm chơn hồn**, cũng như nguồn gốc của mình và hành trình tấn hóa sẽ đi về đâu.

Trong triết lý tam thể xác thân của Cao Đài giáo, định rõ rằng tam thể ấy để giựt tấn, tồn tâm, minh tâm, dưỡng tánh để những cái thể ấy có thể phù hợp với điện khí của Trời Đất, mới đặc nhất, liễu ngộ, phản chiếu hồi quang.

Những gương của các Đấng Giáo Chủ tôn giáo đã chỉ rõ con đường đi cho chúng ta noi theo. Phải làm lành, lánh dữ, bỏ thú tánh, phạm phu, trở về với cách sống thánh tâm vốn có trong bản thể tự có, lại phải chịu lập đức, lập công, lập ngôn, chịu khổ hạnh nâu sòng, dâng thân vào đời sống tâm linh sâu thẳm, ngõ hầu tiếp diện với điện của Đức Thượng Đế. Có như thế, con người mới mong bước lên một bậc thang khác, đó là con đường cao hơn, đi vào thế giới vô hình vi diệu, lại tiếp tục đi trên con đường thiêng liêng hằng sống cho đến khi thực sự thoát cảnh bánh xe luân hồi.



---

Chúng ta vẫn biết con người là một khách trần, trần gian là quán trọ. Đời người phù ảo như bọt biển, vô thương chợt đến bất cứ lúc nào. Điều ngộ nghĩnh hơn hết, Thánh Giáo Cao Đài cho biết các Đấng Thánh, Tiên muốn nâng cao phẩm vị mình lên nữa, duy chỉ xuống phàm trần mà lập công đặng thăng lên nữa. Nhưng cõi trọng trực, ô nhiễm nặng nề, e sợ xuống mà quên căn xưa, quả cũ, lạc mất đầu về, đành thủ thế.

Giáo pháp tôn giáo như những phương tiện và ánh sáng, giúp con người ngộ ra chơn lý cuộc sống, biết luật tạo hóa, sợ nét sanh tử, sợ đọa đày để phải xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, không còn ham luyến hồng trần, đem thân thiết cầu chơn đạo, đem mảnh thân phụng hiến như các Đấng Giáo Chủ. Ngộ thay, chúng ta vẫn sợ và cố gắng thi thố, nhưng vẫn còn ngập lặn giữa biển khổ trần gian, chưa thoát cảnh trần. Bởi vì chúng ta chưa hội đủ để đạt tiêu chuẩn trong đời sống thánh hóa của chúng ta chẳng, nên người vẫn hoàn người.

### **3. Con người đối với Đức Thượng Đế.**

Con người là một chỉnh hợp hoàn bị với các cơ chế vận hành với một tư tưởng không ngừng phát triển, từ thơ sơ ở hang sống ổ đến những khám phá tuyệt vời. Sự nhận thức và khôn ngoan làm cho con người đặc câu hỏi ngạc nhiên rằng liệu rằng ai đã sinh ra sự khôn ngoan ấy, **sự khôn ngoan** ấy đi về đâu khi chết đi, những tinh cầu địa tú do ai cầm quyền kiểm

---

soát để có thể vận hành trật tự một cách lý tưởng, bảo vệ sự sống của loài người, ngay cả những hiện tượng thiên tai tự nhiên tàn phá ghê sợ.

Loài người tin rằng có một **Đấng Tự Hữu** đang cầm quyền guồng máy âm dương, thống trị vạn vật, chi phối toàn bộ càn khôn. Đấng đó phải là hằng hữu, toàn năng, toàn giác, toàn tri, toàn thiện, toàn mỹ. Linh tánh con người đưa ra giả thuyết và linh cảm rằng con người là một phần của của Đấng đó nên mới có một tâm hồn thánh thiện, biết tri cảm, thọ hưởng sự khôn ngoan. Những bậc Hiền Triết gọi đó là **Đức Thượng Đế** và nhiều danh xưng khác nhau.

Trong chiều hướng đó, con người luôn luôn học hỏi và tìm về nguồn cội bản lai của mình, không ngừng học để hiểu, hiểu để hành và tôn ngưỡng Đấng đó trong lòng. Kính tôn bằng hình thức cúng tế, bằng lý lẽ cầu nguyện, bằng hành đời sống lý tưởng hóa đức tin để trọn vẹn tỏ bày tâm hồn kính ngưỡng Đấng ấy.

Cuộc sống con người tràn ngập những hoài nghi, những bon chen, những chân khổ, sinh-lão-bệnh-tử là những thứ đưa con người đến trạng thái ghê sợ. Cảnh sinh ly tử biệt luôn hiện diện trước mắt nhân sinh. Đó là những hiện tượng, **mặt luật** bất biến làm con người trần trở và trở nên đau khổ trong cả kiếp sanh. Vì đau khổ, con người hằng vọng cầu những phép màu vi diệu thiêng liêng của Đức Thượng Đế ban cho toàn nhơn loại.

---

Ý thức rằng con người là một phần của Thượng Đế và hoạt động vận hành của Ngài thuộc vô vi. Ngôn ngữ của Đức Thượng Đế chính là **sự tĩnh lặng** nên con người quay vào bên trong để tĩnh lặng là ngôn ngữ giao thông với Đức Ngài. Người ta cho rằng các cách thức khác là cách diễn dịch và giao thông đơn sơ và nghèo nàn. Nếu coi Đức Thượng Đế là Đấng khai thiên, tạo lập ra vũ trụ càn khôn thì khối quyền năng của Ngài thật vô biên. Để tìm đến quyền năng của Ngài, con người phải **tĩnh lặng** vì **tĩnh lặng là nơi trú ngụ của quyền năng**.

Con người một khi sống với sự tĩnh lặng tập trung trong tâm là chúng ta sống đang sống với quyền năng của Đức Thượng Đế và sự hiện ngụ của Ngài bên trong sâu thẳm của sự an tĩnh. Nơi đó là nơi hội tụ của mọi nguồn sống và sự hiện diện âm thầm của Đức Ngài. Các quyền năng khác được coi là quyền năng tạo ra các biến động, quyền năng tĩnh lặng là một phương thức tập trung mọi nguồn **năng lượng tâm linh**, nên chúng ta có thể tiếp xúc với Ngài, sống cùng thánh ân của Ngài. Tiếp xúc với Ngài bằng hình thức bên ngoài là không thể, duy chỉ đến với Ngài bằng sự an tĩnh nội tâm vì Đức Thượng Đế đến với loài người qua tâm thức. Thứ tĩnh lặng đích thực là phương tiện đến với Ngài, chớ không phải là thứ ngôn ngữ ngoại dung, tướng sắc. **“Gia sản”** Đức Thượng Đế ban cho loài người chính là **sự ý thức tập trung tĩnh lặng trong nội tâm**.

---

Đề đến với Đức Thượng Đế, con người chẳng thể nào “thấy” Ngài khi tâm ích kỷ, nhỏ nhen, vị lợi, ảo mộng, vô minh, hèn kém. Ngược lại phải tu sửa thân tâm, tái tạo một đời sống minh triết vị tha, bao dung, nhân bản, bác ái đại đồng, thương yêu kẻ thù, không ngừng học hỏi. Nếu Đức Thượng Đế là chân lý hằng hữu, chúng ta phải nhận thức rằng những người tự phụ, cống cao chẳng bao giờ tiếp cận nguồn chơn lý siêu việt, dòng vận hà của chơn lý chỉ tương thông những ai có **đời sống minh triết**, chìm vào sự **tĩnh lặng nội tâm** và hòa **sự an nhiên của Đức Thượng Đế**.

Một khi đã hòa vào quyền năng thiêng liêng của Đấng Thượng Đế, con người có những kiến ngộ mới mẻ, vững chắc hơn trên đường đời, ít khi vấp ngã trước những thử thách của tấn tuồng thế gian như những bài thi khảo thí. Quan trọng nữa, nếu nhận ra Đấng Thượng Đế là một quyền bính cao trọng vô biên, hiện diện và bàn bạc trong mọi nẻo, chi chi cũng có sự hiện thân của Đức Ngài, con người sẽ dễ dàng tìm sự an tĩnh và vận dụng sự an tĩnh hòa hợp trong mọi sinh hoạt sống khi ăn, khi đi đứng, khi vận động, khi ăn chay, khi hành thiện... để kiện toàn đời sống như Đức Thượng Đế mong muốn.

Có lẽ, con người sẽ thất vọng khi muốn đến với Đức Thượng Đế bằng cầu xin khô khan, không thật tâm, lặp đi lặp lại nhiều lần. Con người phải đi tìm Ngài theo gương của các bậc Giáo Chủ Tôn Giáo.

---

**Đức Ngài là chơn lý**, chơn lý chỉ đến với những ai **biết hạ mình khiêm cung và lòng chân thành nhất** và thực sự cởi mở tiếp đón Ngài một cách minh triết chính bằng sự sùng kính trong tâm hồn trong **an tĩnh nội tâm**.

Đấng Thượng Đế tượng trưng cho tình thương yêu vĩ đại cao cả, Ngài sẵn sàng tiếp đón và ban ân lành cho những ai đến với Ngài qua con đường **thầm kín sâu thẳm** trong tâm hồn. Tâm hồn là cửa ngõ duy nhất để đón nhận sự hiện diện của Đức Thượng Đế. Quyền năng và nhiệm mầu của Đức Ngài sẽ làm cho con người toại nguyện những hạnh ước khi con người biết tiếp xúc Ngài trong thế giới yên tĩnh.

Đức Thượng Đế là **ánh sáng thiêng liêng bất diệt**, cháy mãi trong tâm hồn của con người để con người tỏ ngộ những điều thẳm kín, bí mật tạo đoan. Những ai muốn thấu đáo cơ bí nhiệm của Ngài phải hỏi Ngài, đến với Ngài trong mọi sự tĩnh lặng nhất. Ngài vô hình, vô ảnh, vô thanh, vô sắc, vô ngôn, là chân lý soi diệu và vạn tượng trong trời đất, nên cái sống động của vạn vật được biểu lộ trong tâm hồn con người. Con người chỉ có thể đón nhận những thứ mới mẽ hơn bằng cách chú ý con đường quay về **nội tâm an tĩnh**.

Đã hiểu được điều này, con người sẽ dần dần **“được nuôi dưỡng”** lớn lên theo thời gian, trưởng thành, điềm đậm và sử dụng **“ngôn ngữ vô âm”**, tâm hồn càng hé mở cánh cửa tâm linh, tâm linh là chìa

---

khóa vạn năng để mở cánh cửa vô hình. Rồi con người học hỏi hơn, tiến xa hơn bằng cách loại bỏ những hình thái tư tưởng cũ gây trì trệ sự tấn hóa, chịu trở về nội tâm để kiểm soát nguồn suối yên tĩnh chính mình.

Hành trình đến với nguồn suối yên tĩnh đòi hỏi con người luôn luôn cố gắng, chịu sửa mình, chịu học hỏi. Hiệu quả của thời gian yên tĩnh tâm hồn sẽ trả lời cho những hoài nghi chưa được đáp án cho con người. Trong sự tĩnh lặng, những điều mâu nhiệm thiêng liêng vĩ đại nhất sẽ minh chứng mọi thứ từ những ý thức tâm linh và trái tim bác ái hoàn hảo của chính ta. Khi ấy, con người cũng sẽ nhận ra rằng “ta không phải là cái ta”, “vạn hữu là ta, ta là vạn hữu”. Tài sản lớn nhất đối với con người là tâm linh trọn khiết trong nguồn suối an tĩnh để đạt được **trí huệ**.

Chính bằng trí huệ, con người sẽ hiểu ra rằng “**sản phẩm trí huệ**” là đấng con do Đức Thượng Đế Tạo và ban phát cho con người, chứ không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng. Hơn nữa, con người sẽ hiểu rằng Đức Thượng Đế là một **nguồn sống tự hữu**, cũng chẳng phải do siêu tưởng tượng của tâm thức con người. Do đó, tâm linh và trái tim đặt đúng chỗ giúp con người nhận ra chơn lý hằng hữu và hiện diện một cách rõ ràng, chân nét.

Con người luôn sống trong mọi ân lành của Đức Thượng Đế. Vì vậy khi chúng ta nguyện cầu chân thành và thiện lành, nó sẽ hòa vào sự thiện lành

---

của Đức Thượng Đế. Tất cả những năng lượng và quyền năng của con người sẽ giúp con người thỏa mãn những ước nguyện thánh thiện. Cơ chế hoạt động của con người hoàn mỹ và tất nhiên, Đức Ngài cho phép và mong muốn con người sử dụng toàn quyền những năng lực ấy để thi hành những sứ mạng thánh thiện trong đời sống, Ngài muốn con người bước qua những vô minh, những rào cản vật chất tối tăm để bước qua **thế giới tự do và hằng sống**.

Đức tin và lòng sùng ngưỡng nơi Đức Thượng Đế chưa bao giờ dừng nghỉ. Người ta vẫn chưa bao giờ biết Đức Thượng Đế ngự nơi đâu, đang làm gì nhưng vẫn trụ khối thánh tâm hướng về Đức Ngài để tỏ lòng “**quy Phật**”, tìm phương pháp giải khổ cho kiếp nhân sinh chứa đầy khổ đau. Các triết lý tôn giáo phơi bày, hé lộ những mật yếu để con người càng hiểu hơn về “**bản ngã**” trong thân và hiểu về “**bản nguyên**” của vũ trụ và kiến tạo một đời sống tôn giáo trong tình thương yêu của Đức Thượng Đế.

Những sự rung cảm của các bậc Giáo Chủ Tôn Giáo hay các vị Thánh Hiền chính là sống trong sự minh triết an tĩnh của nội tâm và **thi hành những ước nguyện thánh thiện**. Cho nên, đời sống của Họ đã có thể hòa hợp với chơn điển của Đức Thượng Đế. Con người cũng là những dòng suối và sẽ chảy về đại dương, nên tất cả cũng thuộc về Đức Ngài, Ngài vẫn luôn ban ân và đến với chúng ta khi chúng ta thực sự “**mở cửa**”, thi hành những điều thiện lương như

---

những bậc đại giác. Con người chỉ cần chân thành mong muốn thì Ngài sẽ đến với chúng ta vì vạn vật đều đồng đẳng trước chơn lý. Mỗi người đều thọ một **điểm linh quang** của Đức Ngài nên không có chi xa xôi nếu con người chịu sống như đời sống của các bậc thánh triết.

Thực vậy, bản năng tồn tại vốn có thánh chất, một chơn như hằng chấy trong tâm của chúng ta. Duy phàm chất nặng hơn thánh tâm, trước hồng bao phủ, vô minh ngập tràn, trải qua bao nhiêu ngàn kiếp, tích tụ tội lỗi, oan chồng oan, nghiệp chồng nghiệp. Nên con người vẫn cứ quay cuồng trong vòng vay trả dù rằng, tính chất hướng thượng luôn thấp lên ngọn đuốc huệ tâm trong đời sống. Vì vậy, hiểu được điều tính chất ấy một cách rõ ràng, chúng ta càng phải phấn đấu, ý thức đạo đức, lập lại trật tự đời sống duy tâm, nép vào cửa từ bi, hầu mới có thể hưởng cảnh non tần, núi đảnh, làm một con hạc nội giữa đồng, bay lượn giữa núi rừng bao la, tự tại, thông dong, để có thể vươn xa đến cảnh thậm thâm vô vi.

#### **4. Đức Thượng Đế đối với con người.**

Đức Thượng Đế đã tồn tại với quyền năng sáng thế vũ trụ và nuôi dưỡng vạn linh trong con đường tấn hóa về mặt tâm linh, tức là “**con đường thiêng liêng hằng sống**”, tất nhiên sự hiện hữu thánh linh nhiệm mầu ấy không phải từ sự ca ngợi, tôn sùng, được thiết lập theo tư duy tâm thức của con người.



---

*“Từ khi sáng tạo trời đất, những đặc tính vô hình của Thượng Đế-tức là quyền năng vô tận và bản tính thần linh-đã hiển nhiên trước mắt mọi người, ai cũng có thể nhận thấy nhờ những vật hữu hình”*  
*[Kinh Thánh Thiên Chúa Giáo].*

Ngoài các bậc Giáo Chủ, các bậc Đại Giác, các bậc Thánh Triết, những người bình thường không thể nhận biết và có thể giao thông với Đấng Tối Cao. Theo trích Thánh Kinh trên, cách để nhận biết được sự có mặt của Đức Thượng Đế, con người phải quán niệm sự vật hiện tượng hữu hình mà các Nho Gia nói **“cách vật trí tri”** để thâm hiểu. Thật vậy, con người được sinh ra và được cha mình nâng niu, sớm hôm tảo tần, đùm bọc, từng khắc, từng giờ để lớn khôn. Khi lớn khôn, cha mình dạy đạo đức, khuôn luật sống làm sao biết hiếu đạo, thuận hòa. Cái tình của cha chúng ta vẫn đi cùng thời gian, từ khi lọt lòng cho đến khi ta trưởng thành, tình thương ấy chưa hề phai nhạt.

Đức Thượng Đế là Đức Chúa Trời, để chỉ năng lực tối cao của vũ trụ, là đối tượng được tôn giáo sùng bái, là Đấng tạo ra càn khôn nên Đức Ngài chưởng quản và hiện diện trong tất cả mọi sự thể, trong các cung, các cõi giới Thiên-Địa-Nhơn, Ngài có tình thương vô lượng, vô biên đối với nhân loại đúng với **Thiên Tính toàn thiện.**

Đức Ngài là Đấng Thiên Chúa, là Đức Đại Từ Bi, là Đấng Tự Hữu, tượng trưng cho **từ bi** và **bác ái** và vì lòng đại từ, đại bi, thương xót chúng sanh nhưng

---

Ngài không thể ẵm bồng lên để trở nên “hàng sống”, mà con người phải “đi” theo luật công bình Thiên Đạo. Chính vì lẽ đó, Đức Ngài đã cho các Thiên Mạng xuống trần, lập giáo, khuyến dạy, tu hành, chỉ đường lối để con người hoàn thành “sứ mạng học hỏi” trên hành trình tấn hóa.

Biết bao các vị Thánh Hiền, Tiên, Phật giáo dạy cùng với các nền Tam Giáo Phật-Thánh-Tiên, Ngũ Chi trong các thời kỳ khác nhau theo lệnh của Đức Thượng Đế truyền dạy để độ chúng sanh. Đức Ngài cũng luôn ban thiên điển cho chúng sanh trên con đường tu tập, dọn mình trở nên “môn đệ” trọn kính.

Thực tiễn xã hội, con người vẫn thường cho rằng những bất công hằng xảy ra vì người làm thiện, thi hành điều lành, nhưng vẫn gặp ngang trái. Rồi ngược lại, cho rằng Trời Đất chẳng công minh. Cổ Nho thường dạy rằng lưới Trời lồng lộng, tuy thưa nhưng chẳng thể lọt điều chi. Một mảy điều thiện chưa qua, một điều ác nhỏ cũng chưa lọt. Máy tạo vốn công bình thiên đạo, công tư phân minh.

Đức Thượng Đế vốn là Đấng Chúa Tể, cầm cân nảy mực, soi xét cả càn khôn, vô lượng điều vi tế nhưng quyền pháp thiêng liêng vẫn chưa hề sai chạy. Đức Ngài vẫn hằng thương yêu chúng sanh, mong muốn chúng ta tu hành, đắc quả. Dầu tình thương có đại bi, đại ái, có da diết thâm tình như hải hà của Đức Đại Từ Phụ, Đức Ngài cũng chẳng thể bồng ẵm chúng ta về cảnh thiêng liêng.

---

Tình thương của Đức Ngài vẫn chiếu soi như ngọn linh đăng thường chảy rục giữa vùng đông minh triết, chứng giám đối với những ai chân thành cầu đạo, Đức Ngài vui mừng khi chúng ta biết Tam Quy: kính **Phật**, tụng **Pháp**, phụng sự **Tăng**. Đức Ngài biết đổ giọt lụy, đau khổ khi con người làm lỗi, mãi chạy theo vật dụng, mê đời, đua theo cái giả của thế gian, chẳng tâm mùi đạo vị.

Biến tạo ra vạn linh, Đức Thượng Đế luôn lấy tình ái bao la, trưởng dưỡng, nâng đỡ, thúc đẩy sự tấn hóa của vạn linh. Nhưng luật công bình là nét thang để trừ khử lòng vạy tà, lại nâng lên giá trị phẩm vị thiêng liêng. Đức Ngài gián tiếp hay trực tiếp vẫn truyền ngôn cho chúng sanh khá thức tỉnh giấc mộng Nam Kha để tìm ánh sáng đạo màu, lấy đạo đức giới mài tâm chí, dụng nâu sòng mà lánh thế sự thì cái bước đi có thể dần dần đến vệt ngút mây xanh, trông vào cảnh thiên thai an nhàn, non chiều hạc gáy, động tối quy châu, lánh cảnh đọa lạc luân hồi.

### **5. Quan hệ mật thiết giữa hai đối thể.**

Đức Chí Tôn hay Đức Thượng Đế là do Khí Hư Vô biến sanh. Đức Chí Tôn là ngôi Thái Cực, là một khối đại linh quang chiếu diệu vô cùng, vô tận, là gọi là “**Đạo**”. Từ ngôi “**một**”, phân ra thành hai Khối Linh Quang là Dương Quang và Âm Quang. Hai năng lực đào độn và biến sanh ra càn khôn vạn vật. Khí trong trẻo thanh nhẹ nổi hình thành các cảnh vô hình, tức là cõi “**thượng thiên**”, khí nặng trọng trọc kết tụ

---

tạo thành các “thể” hữu hình, gọi là “hạ giới”. Cõi trung giới là cảnh tiếp giao giữa hai cõi thượng và hạ.

Cõi hạ giới bao gồm quả địa cầu 68, nơi mà con người đang sinh sống, tức cõi dục giới. Theo Phật Giáo, vũ trụ chia làm Tam Giới là cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Cõi vô sắc giới là cảnh “tinh thần giới”, không có thân tướng tợ hư không. Cõi sắc giới là nơi con người đã lìa dục lạc nhưng vẫn còn sắc tướng trang nghiêm của thân và cảnh. Đối với cõi dục giới, đây là nơi chúng sanh đang sinh tồn và còn ái dục, tạp niệm, vô minh, phiền não.

Từ cái “một” mà sanh ra vạn vật, trong đó loài người, thọ một điểm Chơn Linh của Đức Thượng Đế nên có trí khôn, tu học, tiến hóa tâm linh, có thể đạt đến huệ giác. “Nhứt bản tán vạn thù” và “vạn thù quy nhất bản” là nguyên lý của càn khôn.

Phật Giáo dạy: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”*.

Cao Đài Giáo dạy: *“Thầy là các con, các con là Thầy”*.

Từ những thị huấn trong triết thuyết các nền tôn giáo cổ kim, con người muốn đạt được **thánh triết** trở về hòa hợp với Đại Hồn của vũ trụ, con người phải tu luyện theo các pháp môn đã truyền dạy. Từ trọng trực vô minh, phải nhờ vào cách thức hóa giải ô uế, mê muội, chuyên hóa thân-tâm để “**ngọc**” trong bản thân mình diệu chiếu sáng, phù hợp với tầng điện khí

---

trong trời của cõi Thượng Giới thì mới có thể đắc quả Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Viên “**ngọc**” ấy là **Tánh**, là Tâm, là Linh Hồn, là Nhứt Điểm Linh Quang của Thượng Đế. Con người là một phần trong sự tồn tại của Đức Chí Tôn. Do vậy, con người phải tâm phương giác tánh, làm sao mình tâm kiến tánh, tu tâm luyện tánh, tồn tâm dưỡng tánh cho trong khiết để ánh hào quang của viên ngọc kia tỏa sáng chiếu diệu. Do vậy, sự liên đới giữa Trời và Người rất mật thiết. Muốn thù thắng thoát khổ cõi dục giới, con người duy chỉ có một con đường là **Tu** mà thôi.

Ngày nay, Đức Thượng Đế thấy cảnh khổ của chúng sanh, hằng chứng kiến những sự bội phản với ân cứu độ của Ngài mà làm cho giáo pháp trở nên thất kỳ truyền. Nên, Đức Ngài chính mình xuống giáo độ qua quyền diệu Tiên bút, ban ánh sáng cứu độ chúng sanh thời kỳ mạt pháp. Con người tiếp cận với nguồn tâm pháp chứa đầy ân huệ, để tu tập, trở về hiệp nhất với Đức Ngài. Nền đạo ấy là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ, gọi tắt là đạo Cao Đài.

Qua đạo Cao Đài, con người trở nên gần gũi được gần gũi với tình thương của Đức Thượng Đế, không còn xa lạ bởi chính Đức Ngài tá danh phạm trần, giảng dạy con đường tu tập trong đời sống Cao Đài. Mỗi tương quan giữa hai thể ấy càng được minh tả rõ ràng hơn, chi tiết hóa sợi dây tương ái của hai đời thể.

---

Cũng nhờ mỗi chánh giáo này, con người nhận ra Đức Thượng Đế là ai, nguyên tắc tạo dựng càn khôn vũ trụ, hình thể con người, nhận rõ điều chơn, lẽ trái, tiệm tiến đến phép đạo tu thân. Đó chính là đời sống của người đệ tử Cao Đài, ứng hợp đối với Thánh ý của Đức Thượng Đế, bắt nhịp cầu bước lên con đường thiêng liêng hằng sống, trở về bản thể của vũ trụ, hòa hợp với khối Đại Hồn của càn khôn, hội hiệp với Đấng Thượng Đế.

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 19-04-2022

***Khai Tâm Quách Minh Chương – 2022***



---

*Khai Tâm Quách Minh Chương*